

Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 2022

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

Mã	Tiêu chuẩn
1	Phẩm chất
1.1	<i>Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước</i>
1.1.1	Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
1.1.2	Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước.
1.1.3	Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
1.2	<i>Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh</i>
1.2.1	Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh.
1.2.2	Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.
1.2.3	Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình.
1.3	<i>Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học</i>
1.3.1	Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: Giá trị liên quan đến người học; Ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; Trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.
1.3.2	Yêu nghề, tận tâm với nghề.
1.3.3	Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học.
1.4	<i>Trung thực và đáng tin cậy</i>
1.4.1	Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải.
1.4.2	Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
1.4.3	Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.
1.5	<i>Trách nhiệm và tận tâm</i>
1.5.1	Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.
1.5.2	Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân.
1.5.3	Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập.

Mã	Tiêu chuẩn
1.5.4	Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.
1.5.5	Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
1.6	<i>Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời</i>
1.6.1	Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ.
1.6.2	Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học.
1.6.3	Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.
2	Tiêu chuẩn 2. Năng lực chung
2.1	<i>Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</i>
2.1.1	Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
2.1.2	Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.
2.1.3	Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.
2.1.4	Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.
2.1.5	Hình thành và sử dụng được hệ thống kỹ năng (cơ bản và kỹ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi.
2.2	<i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>
2.2.1	Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn.
2.2.2	Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.
2.2.3	Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng.
2.2.4	Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.
2.2.5	Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.
2.2.6	Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả.
2.2.7	Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp.
2.2.8	Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.

Mã	Tiêu chuẩn
2.2.9	Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: Hoặc cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương; Hoặc bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
2.3	<i>Năng lực lãnh đạo</i>
2.3.1	Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.
2.3.2	Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.
2.3.3	Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.
2.4	<i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>
2.4.1	Đưa ra được ý tưởng mới.
2.4.2	Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
2.4.3	Hình thành và triển khai được ý tưởng mới.
2.4.4	Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
2.4.5	Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
2.4.6	Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.
2.5	<i>Năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội</i>
2.5.1	Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước.
2.5.2	Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường.
2.5.3	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.
2.6	<i>Năng lực tư duy phản biện</i>
2.6.1	Có tư duy độc lập.
2.6.2	Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin.
2.6.3	Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.
3	Tiêu chuẩn 3. Năng lực sư phạm
3.1	<i>Năng lực dạy học</i>
3.1.1	Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa.
3.1.2	Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.

Mã	Tiêu chuẩn
3.1.3	Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.
3.1.4	Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.
3.1.5	Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh.
3.1.6	Tổ chức và quản lí được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học.
3.1.7	Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập.
3.1.8	Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao.
3.1.9	Xây dựng, quản lí và khai thác được hồ sơ dạy học.
3.2.	<i>Năng lực giáo dục</i>
3.2.1	Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng.
3.2.2	Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
3.2.3	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp với đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.
3.2.4	Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục.
3.2.5	Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
3.2.6	Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh.
3.2.7	Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội,... theo kế hoạch đã xây dựng.
3.2.8	Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.
3.2.9	Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.
3.3	<i>Năng lực định hướng sự phát triển học sinh</i>
3.3.1	Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh.
3.3.2	Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó.
3.3.3	Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh.
3.4	<i>Năng lực hoạt động xã hội</i>

Mã	Tiêu chuẩn
3.4.1	Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh.
2.4.2	Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá - xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng.
3.4.3	Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng, của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, các hiệp hội nghề nghiệp,...).
3.5	<i>Năng lực phát triển nghề nghiệp</i>
3.5.1	Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.2	Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.3	Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.4	Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
4	Tiêu chuẩn 4. Năng lực khoa học ngành Sư phạm Địa lí
4.1	<i>Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí</i>
4.1.1	Vận dụng được phương pháp luận của Khoa học địa lí và các khoa học liên quan.
4.1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của Địa lí học, sự phát triển của Địa lí học.
4.1.1.2	Xác định được các vấn đề lớn trong nghiên cứu Địa lí trên thế giới.
4.1.1.3	Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Địa lí vào trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu.
4.1.1.4	Áp dụng được các cách tiếp cận mới.
4.1.2	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học Trái Đất, Bản đồ học, công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lí (GIS).
4.1.2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng, hiện đại, cập nhật về Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế xã hội, Địa lí thế giới và Địa lí Việt Nam.
4.1.2.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Bản đồ học.
4.1.2.3	Vận dụng được các khái niệm cơ bản, cơ sở vật lí của viễn thám.
4.1.2.4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lí GIS, GPS.
4.1.3	Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).
4.1.3.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Trái Đất; giải thích được vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lí.
4.1.3.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về thạch quyển và địa hình, các quá trình địa mạo và các kiểu địa hình chính trên Trái Đất.

Mã	Tiêu chuẩn
4.1.3.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khí quyển và thủy quyển.
4.1.3.4	Vận dụng được kiến thức cơ bản về sự hình thành và phân bố đất trên thế giới; những vấn đề về sinh quyển; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí của Trái Đất.
4.1.3.5	Vận dụng được kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên các châu lục và Địa lí tự nhiên Việt Nam.
4.1.4	Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).
4.1.4.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên, địa lí dân cư và quần cư.
4.1.4.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về các ngành nông - lâm - thủy sản, công nghiệp và dịch vụ.
4.1.4.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về Địa lí kinh tế xã hội thế giới và Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam
4.1.5	Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).
4.1.5.1	Nhận biết được mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường.
4.1.5.2	Nhận biết được mối quan hệ liên ngành và xuyên ngành.
4.1.5.3	Giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội.
4.1.6	Vận dụng năng lực thực địa trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.1.6.1	Vận dụng các phương pháp, kĩ năng quan sát, nghiên cứu ngoài thực địa. Thu thập, phân tích và xử lí số liệu.
4.1.6.2	Viết được báo cáo thực địa.
4.1.6.3	Trình bày được kết quả nghiên cứu thực địa.
4.2	<i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông</i>
4.2.1	Giải thích được Chương trình giáo dục phổ thông.
4.2.1.1	Trình bày được vị trí, vai trò, quan điểm xây dựng và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học.
4.2.1.2	Xác định được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực đặc thù) của môn học.
4.2.2	Giải thích được Chương trình giáo dục môn Địa lí ở các cấp học.
4.2.2.1	Phân tích và chỉ ra được mạch nội dung và sự phát triển của mạch nội dung của môn học qua các lớp học.
4.2.2.2	Giải thích được mối quan hệ giữa tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí với các nội dung giáo dục địa lí ở các lớp học.

Mã	Tiêu chuẩn
4.2.2.3	Hiểu và vận dụng được các yêu cầu về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục vào việc lập kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.
4.2.3	Xây dựng được kế hoạch phát triển chương trình môn học ở nhà trường phổ thông.
4.2.3.1	Lập được kế hoạch bài học trên cơ sở dựa vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, yêu cầu về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.
4.2.3.2	Đề xuất và xây dựng được đề cương chi tiết của một chủ đề môn học theo hướng hình thành và phát triển năng lực cho người học.
4.3	<i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn</i>
4.3.1	Xác định được vị trí, vai trò của Khoa học địa lí trong thế giới hiện đại.
4.3.1.1	Trình bày được những hiểu biết cốt lõi về đối tượng và nhiệm vụ của Địa lí học hiện đại.
4.3.1.2	Giải thích được Địa lí học hiện đại là một khoa học tổng hợp - động lực và hành động, nằm ở giao diện giữa khoa học tự nhiên (Địa lí Tự nhiên) và khoa học xã hội (Địa lí Kinh tế - Xã hội).
4.3.1.3	Trình bày được những hiểu biết cốt lõi về vai trò của Khoa học địa lí, khả năng ứng dụng tri thức địa lí trong đời sống và các ngành nghề có liên quan đến Địa lí.
4.3.2	Vận dụng được các tri thức Khoa học địa lí để nhận diện, giải thích và dự báo được các vấn đề thực tiễn.
4.3.2.1	Xác định/phát hiện được vấn đề của thực tiễn và đặt được các câu hỏi địa lí liên quan (Ai/Cái gì? Ở đâu? Tại sao? Như thế nào/Sẽ như thế nào? Tại sao? Làm thế nào để giải quyết được vấn đề?).
4.3.2.2	Lập kế hoạch và sử dụng được các phương pháp và công cụ thu thập thông tin cần thiết để trả lời các câu hỏi địa lí.
4.3.2.3	Sử dụng được các phương pháp, công cụ xử lí và biểu diễn/trực quan hoá thông tin địa lí.
4.3.2.4	Sử dụng được các phương pháp và công cụ để phân tích và diễn giải các thông tin địa lí dựa trên tri thức địa lí.
4.3.2.5	Trả lời được các câu hỏi địa lí (khái quát hoá thành tri thức địa lí) và đưa ra được các hành động dựa trên tri thức địa lí (bài học, giải pháp, kiến nghị, vấn đề/câu hỏi địa lí mới).
4.3.3	Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào các hoạt động giáo dục cụ thể.
4.3.3.1	Trình bày được mục tiêu của Chương trình môn Địa lí cũng như những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực ở từng cấp học/lớp học.
4.3.3.2	Trình bày được nội dung giáo dục của Chương trình môn Địa lí ở trường phổ thông, các mạch kiến thức cốt lõi, các chuyên đề học tập ở mỗi cấp học/lớp học và giải thích được mối quan hệ của các mạch kiến thức/chuyên đề học tập này.
4.3.3.3	Xác định được mục tiêu, yêu cầu và nội dung giáo dục địa lí cụ thể trong từng bài học và tiết học để xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục chi tiết (nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục bao gồm phương pháp học tập và nghiên cứu địa lí, đánh giá kết quả giáo dục).

Mã	Tiêu chuẩn
4.3.4	Xây dựng, sử dụng được các công cụ và trang thiết bị trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.3.4.1	Khai thác hiệu quả và phát triển được tài nguyên học tập (bản đồ, atlas địa lí, tranh ảnh, mô hình, dữ liệu).
4.3.4.2	Sử dụng được các thiết bị/dụng cụ khảo sát thực địa trong học tập và nghiên cứu.
4.3.4.3	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), các phần mềm hệ thống thông tin địa lí (GIS) và viễn thám và một số ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong học tập và nghiên cứu.
4.3.4.4	Khai thác, sử dụng và phát triển được (thành lập/chế tạo) các tài nguyên và phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.
4.3.5	Xây dựng kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trong môn Địa lí ở trường phổ thông
4.3.5.1	Xác định được mục tiêu, yêu cầu và nội dung giáo dục địa lí của từng bài học/tiết học trải nghiệm cụ thể.
4.3.5.2	Lập và thực hiện được kế hoạch giáo dục địa lí trong các hoạt động trải nghiệm cụ thể (nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục).
4.4	<i>Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí</i>
4.4.1	Xác định được vấn đề nghiên cứu phù hợp với điều kiện và năng lực của cá nhân.
4.4.1.1	Hình thành được ý tưởng nghiên cứu mang tính khoa học, tính sáng tạo dựa trên nguồn lực tài chính, thời gian, nhân lực hiện có.
4.4.1.2	Phát hiện được các khoảng trống kiến thức, các điều chưa biết, phương pháp thực hiện, các điểm hạn chế của những nghiên cứu có trước.
4.4.1.3	Hình thành được khung khái niệm phù hợp cho nghiên cứu của mình dựa trên những lí do chính đáng và thuyết phục để đảm bảo tính khả thi của nghiên cứu.
4.4.1.4	Giải thích một cách hợp lí, chặt chẽ các nội dung chi tiết đã được đưa ra trong khung khái niệm dựa trên ưu, nhược điểm và giới hạn của nó.
4.4.1.5	Xác định được các kiến thức cần thiết phải có khi thực hiện ý tưởng nghiên cứu, từ đó bổ sung các kiến thức còn thiếu.
4.4.2	Xây dựng được đề cương nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu theo đề cương
4.4.2.1	Xác định được tính cấp bách của vấn đề, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và giới hạn của nghiên cứu.
4.4.2.2	Liệt kê được các câu hỏi và giả thuyết khoa học cần chứng minh liên quan tới các nội dung nghiên cứu.
4.4.2.3	Đánh giá tổng quan các công trình trong và ngoài nước liên quan tới nội dung nghiên cứu.
4.4.2.4	Xác định được phương pháp, cách tiếp cận phù hợp với từng nội dung nghiên cứu.
4.4.2.5	Lập được kế hoạch về thời gian và tổ chức triển khai từng nội dung nghiên cứu.
4.4.2.6	Lựa chọn, thu thập số liệu địa lí sơ cấp và thứ cấp liên quan tới từng nội dung nghiên cứu bằng các thiết bị đo chuyên dụng.

Mã	Tiêu chuẩn
4.4.2.7	Phân tích và xử lý dữ liệu địa lí bằng các kĩ thuật định tính hay định lượng khác nhau thông qua phương pháp truyền thống hay hỗ trợ của phần mềm ứng dụng chuyên ngành.
4.4.2.8	Trình bày kiến thức địa lí và thông tin địa lí thông qua các kĩ thuật đặc thù (Bản đồ học, GIS, hay mô tả).
4.4.2.9	Cập nhật được đề cương nghiên cứu theo tình hình triển khai các nội dung nghiên cứu.
4.4.3	Viết, chia sẻ và công bố được kết quả nghiên cứu khoa học một cách phù hợp với yêu cầu
4.4.3.1	Viết được báo cáo toàn văn thể hiện những nội dung đã triển khai, các kết quả, và các khám phá khoa học đã đạt được trong quá trình thực hiện nghiên cứu.
4.4.3.2	Viết được báo cáo tóm tắt một cách ngắn gọn, súc tích, rõ ràng nhưng phản ánh trung thành báo cáo toàn văn.
4.4.3.3	Viết được bài báo khoa học thể hiện kết quả của công trình nghiên cứu tại hội nghị khoa học hay trên tạp chí chuyên ngành.
4.4.3.4	Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo thuyết trình hay báo cáo treo tường.
4.4.4	Thể hiện được quan điểm cá nhân khi tiếp cận một công trình nghiên cứu Khoa học địa lí và giáo dục địa lí.
4.4.4.1	Phát biểu quan điểm cá nhân một cách phân biện về các vấn đề liên quan tới Khoa học địa lí.
4.4.4.2	Trình bày các ý tưởng, các nguyên lí, các học thuyết địa lí bằng nhiều hình thức: văn bản, thuyết trình, hình ảnh
4.4.5	Thực hiện được nghiên cứu cứu độc lập và theo nhóm.
4.4.5.1	Thực hiện nghiên cứu một cách độc lập kế hoạch nghiên cứu nhằm đạt mục tiêu đề ra.
4.4.5.2	Thể hiện được sự lãnh đạo nhóm và hỗ trợ những người khác tham gia trong quá trình nghiên cứu.
4.5	<i>Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn</i>
4.5.1	Tham khảo được các tài liệu bằng tiếng nước ngoài nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu, giảng dạy Địa lí.
4.5.1.1	Đọc hiểu được ở mức độ đơn giản các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài.
4.5.1.2	Dịch được các tài liệu chuyên ngành từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại.
4.5.1.3	Trình bày được các nội dung chuyên môn bằng tiếng nước ngoài.
4.5.2	Tra cứu, khai thác được các nguồn tài nguyên thông tin bằng tiếng nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.5.2.1	Xác định được nguồn tài nguyên thông tin và phương pháp để tìm kiếm, khai thác.
4.5.2.2	Đánh giá được mức độ phù hợp, tin cậy của tài nguyên thông tin.
4.5.2.3	Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin.

Mã	Tiêu chuẩn
4.6	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn
4.6.1	Ứng dụng được các phần mềm hệ thống tin địa lí và viễn thám trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.1.1	Sử dụng được các phần mềm xử lí ảnh viễn thám và phân tích không gian trong học tập, nghiên cứu địa lí.
4.6.1.2	Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí để thực hiện các bài toán phân tích không gian địa lí.
4.6.1.3	Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí để xây dựng bản đồ, atlas trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2	Ứng dụng được một số ứng dụng phân tích định tính, định lượng trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2.1	Sử dụng được các phần mềm xử lí thống kê, phân tích số liệu trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2.2	Sử dụng được các phần mềm định tính trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.3	Vận dụng được công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để phát triển học liệu, thiết kế bài giảng và dạy học Địa lí.
4.6.3.1	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông để phát triển học liệu điện tử (video, hình ảnh, âm thanh, bài viết) trong học tập, dạy học Địa lí.
4.6.3.2	Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để thiết kế bài giảng dạy học trên lớp, dạy học kết hợp, trực tuyến.
4.6.3.3	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông để xây dựng các công cụ, kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

Tổng: 04 tiêu chuẩn; 23 tiêu chí; 100 chỉ báo

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Quyết Chiến